TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU ĐỨC** **TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 17/2024/DS-ST Ngày 10/5/2024 V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC, TỈNH BÀ RỊA –VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Ngọc Phi;

Ông Bùi Huy Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Hiệp – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Đức.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Hồng Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2023/TLST-DS ngày 04 tháng 7 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2024/QĐST-DS ngày 25/3/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần S1.

Địa chỉ: Số B đường N, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ Tổng giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Quốc K – Chức vụ: Giám đốc chi nhánh B;

Uỷ quyền lại cho bà Nguyễn Thị Hoàng Y, sinh năm 1993; Địa chỉ: Số C D, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc Nguyên V, sinh năm: 2003;

Địa chỉ: Ấp L, xã X, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các biên bản làm việc tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Hồng Y1 trình bày:

Ngày 14/09/2022, ông V có ký với Ngân hàng TMCP S1 (gọi tắt là S2) Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 883/2022/CNBR (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của S2 – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), đến ngày 15/9/2022 phía S2 ký duyệt hợp đồng. Theo các bên thỏa thuận được ghi nhận trong hợp đồng thì hạn mức cho vay là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), và chia thành 02 hình thức cho vay cụ thể như sau:

Hình thức cho vay thứ nhất là hình thức cho vay sử dụng thẻ, thời hạn chốt nợ là ngày 10 hàng tháng, thời hạn trả 15 ngày, tính bắt đầu kể từ ngày 10 của tháng phát sinh việc ông V sử dụng tiền vay (rút tiền hoặc giao dịch thanh toán bằng tiền vay…) thì ông V phải trả ít nhất là 10% trên tổng dư nợ phát sinh. Theo thỏa thuận thì lãi suất phát sinh từ số tiền vay qua hợp đồng sử dụng thẻ là 2,77 %/tháng tình trên số tiền đã sử dụng, kể từ ngày sử dụng tiền vay.

Hình thức cho vay thứ hai là hình thức trên ứng dụng Sacombank Pay (viết tắt là S2) thì lãi suất phát sinh từ số tiền vay qua hợp đồng sử dụng thẻ là 1,55 %/tháng/trên số tiền đăng ký vay (không tính việc đã sử dụng hay chưa sử dụng), thời hạn trả là ngày 25 hàng tháng, số tiền phải thanh toán hàng tháng là tổng số tiền nợ gốc và lãi chia đều cho thời hạn vay mà khách hàng đăng ký. Hạn mức lãi suất ưu đãi (1,55 %/tháng) chỉ được áp dung đối với 90% tổng số tiền vay, số tiền vay còn lãi vẫn áp dụng lãi suất của hợp đồng phát hành thẻ (2,77 %/tháng, kể từ ngày sử dụng tiền vay).

Ngoài ra nhằm nâng cao trải nghiệm của khách hàng và tối ưu chất lượng sử dụng thẻ, từ ngày 01/9/2022, S2 áp dụng hạn mức dự phòng cho khách hàng có thể vay thêm 5% hạn mức tín dụng được cấp dành cho thẻ tín dụng của ông V. Nội dung này được gửi cho ông V thông qua tin nhắn và thông qua ứng dụng S2 khi ông V sử dụng tiền vay. Về các điều khoản và lãi suất đối với số tiền cho vay quá hạn mức này tương tự hình thức cho vay sử dụng thẻ.

Quá trình thực hiện hợp đồng: Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông V đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 56.570.000 đồng, trong đó khoản vay tiêu dùng trên ứng dụng S2 là 45.000.000 đồng, thẻ tín dụng là 11.570.000 đồng.

- Đối với thẻ tín dụng số 472074 - 7283: Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông V đã thanh toán cho S2 số tiền 722.495 đồng. Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 21 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử

dụng thẻ tín dụng của S2, số tiền thanh toán sẽ được ưu tiên trừ vào các khoản phí, lãi trước sau đó sẽ trừ tiếp vào các khoản giao dịch. Cụ thể số tiền ông V nợ đến ngày 10/04/2023 = Số tiền giao dịch – (Số tiền thanh toán – P, lãi) = 12.624.267 đồng.

- Đối với Khoản vay tiêu dùng S2 số 211251 – 7193: từ ngày giải ngân số tiền 45.000.000 đồng, ông V đã thanh toán cho S2 số tiền 8.710.000 đồng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông V vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông V vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 3 của Bản Điều khoản và Điều kiện vay tiêu dùng trên ứng dụng S2), ngày 25/04/2023 S2 đã chấm dứt và chuyển toàn bộ dư nợ gốc sang nợ quá hạn (Điều 5 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành vay tiêu dùng trên ứng dụng S2). Dư nợ ngày 25/04/2023 = Số tiền giao dịch – (Số tiền thanh toán – P, lãi) = 40.842.200 đồng.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông V vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông V vi phạm hợp đồng, 90 ngày không thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của S2), ngày 25/04/2023 S2 đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ, ngày 25/04/2023 chuyển dư nợ của ông V còn thiếu tại thời điểm này sang Nợ quá hạn và áp dụng lãi suất nợ quá hạn (được quy định tại điều 1 của Bản Điều khoản và điều kiện). S2 chỉ yêu cầu ông V có trách nhiệm thanh toán khoản nợ trên cho Ngân hàng ngoài ra không yêu cầu ai khác phải có trách nhiệm thanh toán.

Tính đến ngày 10/5/2024, ông V còn nợ S2 cụ thể như sau:

Nợ đối với thẻ tín dụng số 472074 – 7283 là: 19.366.946 đồng trong đó bao gồm nợ gốc 11.181.503 đồng, lãi trong hạn 1.442.764 đồng và lãi quá hạn 6.742.679 đồng.

Nợ đối với K1 vay tiêu dùng S2 là: 52.900.993 đồng trong đó bao gồm nợ gốc 40.842.200 đồng, nợ lãi: 12.058.793 đồng.

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với ông V, yêu cầu có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để trả nợ, tuy nhiên ông V vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký.

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng TMCP S1 kính đề nghị Quý Tòa giải quyết những vấn đề sau đây đối với ông Nguyễn Ngọc Nguyên V những nội dung sau:

1. Buộc ông Nguyễn Ngọc Nguyên V phải trả cho Ngân hàng TMCP S1 tổng số tiền tạm tính đến ngày 10/5/2024 là 72.267.939đ (bảy mươi hai triệu, hai trăm

sáu mươi bảy ngàn, chín trăm ba mươi chín đồng) trong đó bao gồm: Nợ đối với thẻ tín dụng số 472074 – 7283 là: 19.366.946 đồng; nợ đối với khoản vay tiêu dùng S2 là: 52.900.993 đồng.

2. Ngoài ra ông V còn phải có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh tính từ ngày 11/5/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng đã xác lập.

Bị đơn ông Nguyễn Ngọc Nguyên V đã được Tòa án tống đạt, niêm yết giấy triệu tập, thông báo nhưng ông V vẫn vắng mặt nên không thể ghi nhận ý kiến của ông V và tiến hành hòa giải để các bên tự thỏa thuận được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng trong vụ án:

Về việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Châu Đức thụ lý vụ án đúng theo thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật về nội dung tranh chấp, thu thập đầy đủ chứng cứ và xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự. Tuy thời hạn giải quyết án kéo dài nhưng không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết nội dung tranh chấp. Hội đồng xét xử thực hiện đúng nguyên tắc xét xử trong phiên tòa sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn chưa thực hiện đúng nghĩa vụ tố tụng nên làm ảnh hưởng tới thời hạn giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ kiện: Viện kiểm sát đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngân hàng TMCP S1 khởi kiện ông Nguyễn Ngọc Nguyên V trả tiền nợ gốc và lãi phát sinh theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 883/2022/CNBR, ngày 15/9/2022; Bị đơn ông Nguyễn Ngọc Nguyên V có nơi cư trú tại xã X, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Đức theo quy định tại khoản 3, Điều 26 và điểm a, khoản 1, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Đại diện nguyên đơn S2 có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Nguyễn Ngọc Nguyên V đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên toà lần hai, nhưng tại phiên tòa ông V vẫn vắng mặt không có lý do vì vậy căn cứ vào Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[3] Về nội dung vụ án: Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng đã ký số 883/2022/CNBR, bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của S2 và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở để xác định ông Nguyễn Ngọc Nguyên V có vay của S2 số tiền 56.570.000 đồng, trong đó khoản vay tiêu dùng trên ứng dụng S2 là 45.000.000 đồng, thẻ tín dụng là 11.570.000 đồng.

Sau khi vay, tính đến nay ông Nguyễn Ngọc Nguyên V chỉ thanh toán được số tiền là 9.432.495 đồng (trong đó đối với thẻ tín dụng là 722.495 đồng, đối với khoản vay tiêu dùng S2 Pay là 8.710.000 đồng), sau đó thì không thanh toán được cho S được thêm số tiền nào là vi phạm điều khoản thanh toán nên S2 khởi kiện yêu cầu ông V phải trả số tiền nợ tạm tính đến ngày 10/5/2024 là 72.267.939đ (bảy mươi hai triệu, hai trăm sáu mươi bảy ngàn, chín trăm ba mươi chín đồng) trong đó bao gồm: Nợ gốc 52.023.703 đồng, nợ lãi 20.244.236 đồng. Ông V phải tiếp tục có nghĩa vụ thanh toán khoản lãi phát sinh kể từ ngày 11/5/2024 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng đã ký số 883/2022/CNBR. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông V không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của S2 nên căn cứ tài liệu chứng cứ S2 cung cấp, Hội đồng xét xử nhận thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Ngọc Nguyên V phải có nghĩa vụ thanh toán cho S2 số tiền tạm tính đến ngày 10/5/2024 là 72.267.939đ (bảy mươi hai triệu, hai trăm sáu mươi bảy ngàn, chín trăm ba mươi chín đồng). Ông Nguyễn Ngọc Nguyên V phải tiếp tục có nghĩa vụ thanh toán lãi suất phát sinh kể từ ngày 11/5/2024 cho đến khi trả hết nợ theo quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 883/2022/CNBR, ngày 14/9/2022 và Bản Điều kiện và Điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại cổ phần S1.

[4] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí lệ phí Tòa án.

Ông Nguyễn Ngọc Nguyên V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền phải trả cho S2. S2 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 91 Luật tổ chức tín dụng; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần S1 về việc tranh chấp Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 883/2022/CNBR với ông Nguyễn Ngọc Nguyên V.

Ông Nguyễn Ngọc Nguyên V phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S1 số tiền 72.267.939đ (bảy mươi hai triệu, hai trăm sáu mươi bảy ngàn, chín trăm ba mươi chín đồng) trong đó bao gồm: Nợ gốc 52.023.703 đồng, nợ lãi 20.244.236 đồng;

Ông Nguyễn Ngọc Nguyên V phải tiếp tục trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S1 tiền lãi phát sinh kể từ ngày 11/5/2024 cho đến khi trả hết nợ theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 883/2022/CNBR, ngày 14/9/2022 và Bản Điều kiện và Điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại cổ phần S1.

Trường hợp trong hợp đồng ký kết các bên có thoả thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Toà án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Ngọc Nguyên V phải nộp số tiền 3.613.396đ (Ba triệu, sáu trăm mươi ba ngàn, ba trăm chín mươi sáu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng Thương mại cổ phần S1 không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S1 số tiền 1.380.000đ (Một triệu ba trăm tám mươi ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức theo biên lai thu tiền số 0008624 ngày 04 tháng 7 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày tuyên án (10/5/2024) các đương sự được quyền kháng cáo. Các đương sự vắng mặt tại phiên toà thì thời hạn này được tính từ ngày nhận được bản án do Tòa án tống đạt hoặc niêm yết có quyền yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Văn Tiến

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND huyện Châu Đức;
- Chi cục THADS huyện Châu Đức;
- Nhưng người tham gia tố tụng.
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Văn Tiến